



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: (0263) 3821 854 – Fax: (0263) 3832 542

Website: [www.lhc.com.vn](http://www.lhc.com.vn)

Email: [xdthuyloi@vnn.vn](mailto:xdthuyloi@vnn.vn)

# 2017

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

# MỤC LỤC

03. THÔNG TIN CHUNG

15. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

27. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

33. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37. QUẢN TRỊ CÔNG TY

43. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## THÔNG TIN CHUNG

- ▽ Thông tin khái quát
- ▽ Quá trình hình thành và phát triển
- ▽ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ▽ Cơ cấu tổ chức
- ▽ Định hướng phát triển
- ▽ Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch:</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG</b>
<b>Tên tiếng anh:</b>	Lam Dong Investment Hydraulic Construction Joint Stock Company
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số:</b>	5800000424 (số cũ 059247) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 - ngày 29/06/2016
<b>Vốn điều lệ:</b>	36.000.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	36.000.000.000 đồng
<b>Địa chỉ:</b>	Số 266 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
<b>Số điện thoại:</b>	(0263) 3821 854
<b>Số fax:</b>	(0263) 3832 542
<b>Website:</b>	<a href="http://www.lhc.com.vn">www.lhc.com.vn</a>
<b>Email:</b>	<a href="mailto:xdthuyloi@vnn.vn">xdthuyloi@vnn.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu:</b>	LHC



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

<b>NĂM 1976</b>	Công ty Xây dựng Thủy lợi được thành lập tiền thân là Đội công trình trực thuộc Ty Thủy lợi là Công ty hạch toán độc lập, lực lượng lao động tập trung từ lực lượng thanh niên xung phong xây dựng vùng kinh tế mới.
<b>NĂM 1981</b>	Đổi tên Công ty thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Sở Thủy lợi Lâm Đồng, hạch toán độc lập.
<b>NĂM 1987</b>	Đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.
<b>NĂM 1993</b>	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi chuyển thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.
<b>NĂM 2000</b>	Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty Cổ phần theo Quyết định chuyển DNNN Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng thành Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng số 82/2000/QĐ-UB ngày 27/06/2000.
<b>NĂM 2003</b>	Công ty tăng vốn điều lệ lên 4 tỷ đồng.
<b>NĂM 2007</b>	Công ty tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng.
<b>NĂM 2008</b>	Công ty tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.
<b>NĂM 2010</b>	Công ty chính thức niêm yết 2 triệu cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
<b>NĂM 2013</b>	Công ty chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm đồng với tỷ lệ nắm giữ là 55,16%.
<b>NĂM 2015</b>	Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.
<b>NĂM 2016</b>	Được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất 2015 - 2016.

### MỘT SỐ DANH HIỆU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- √ Được Bộ Tài chính tặng bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế 2010.
- √ Được Bộ Xây dựng tặng Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam năm 2010 cho Công trình Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
- √ Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2015 -2016.

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ✓ Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước;
- ✓ Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- ✓ Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- ✓ Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại;
- ✓ Khai thác, chế biến khoáng sản;
- ✓ Kinh doanh khách sạn;
- ✓ Hoạt động xuất nhập khẩu;
- ✓ Trồng rừng;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê;

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước.

### CÁC DỰ ÁN ĐÃ THAM GIA



Trạm bơm Thanh Sơn – Đồng Nai



Hồ P'roh (Lâm Đồng)



Kênh máng N3 – Hệ thống thủy lợi Đạ Đờn  
(Lâm Đồng)

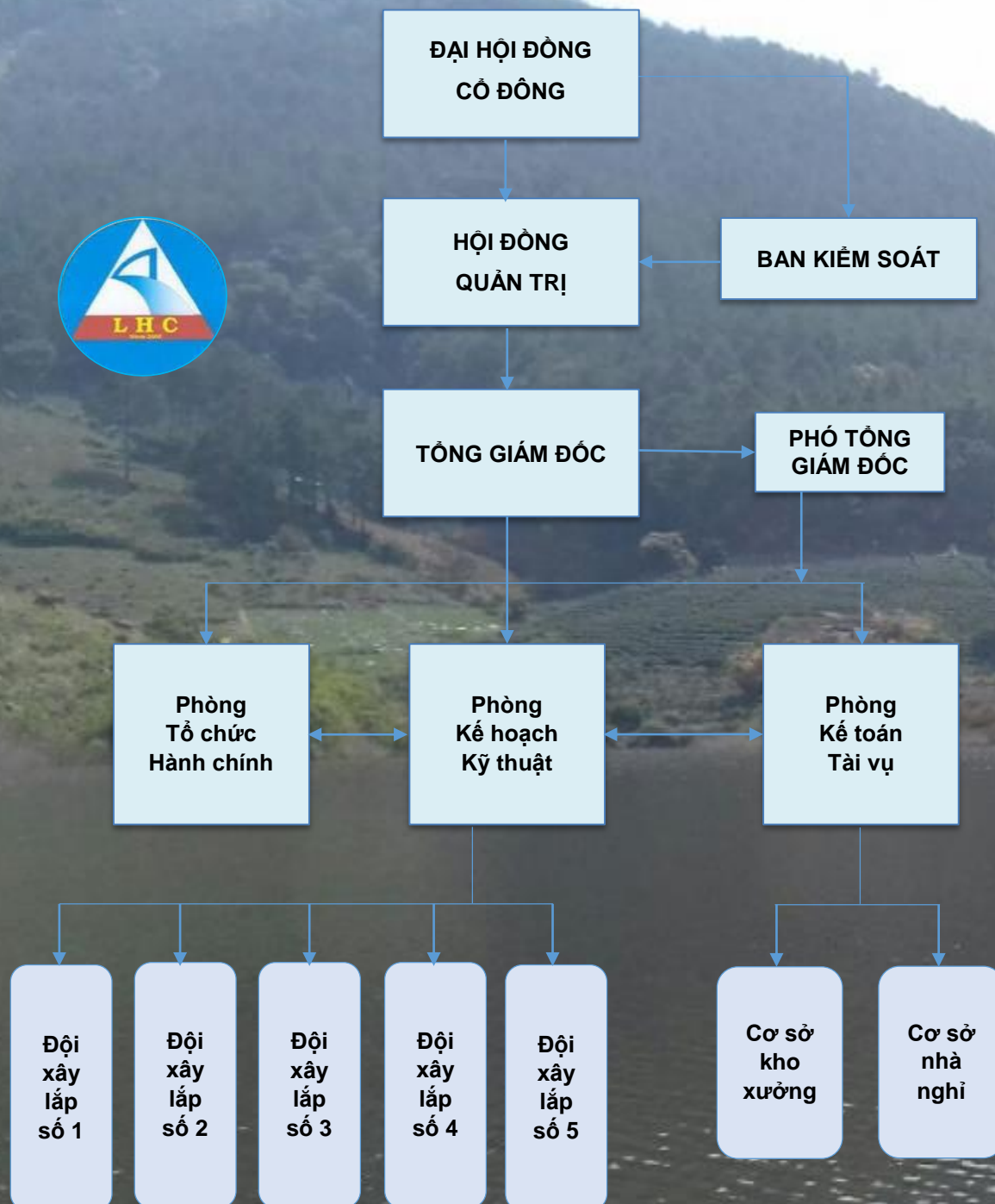


Đập tràn xả lũ P'Roh (Lâm Đồng)



## CƠ CẤU TỔ CHỨC

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con

#### CTCP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG (Mã CK: LBM)

- ▽ Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- ▽ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ▽ Vốn điều lệ: 85 tỷ đồng
- ▽ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 59,07%
- ▽ Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

#### CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

- ▽ Địa chỉ: 251 - 251A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- ▽ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ▽ Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng
- ▽ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 51,00%
- ▽ Tỷ lệ lợi ích: 51,00%

### Công ty con gián tiếp

#### Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

- ▽ Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- ▽ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- ▽ Vốn điều lệ: 4,77 tỷ đồng
- ▽ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%
- ▽ Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

#### Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành

- ▽ Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, H. Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- ▽ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất gạch, ngói các loại
- ▽ Vốn điều lệ: 12,6 tỷ đồng
- ▽ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 80,48%
- ▽ Tỷ lệ lợi ích: 47,54%

#### Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông

- ▽ Địa chỉ: Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông
- ▽ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- ▽ Vốn điều lệ: 9,8 tỷ đồng
- ▽ Tỷ lệ quyền biểu quyết của LHC: 100%
- ▽ Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

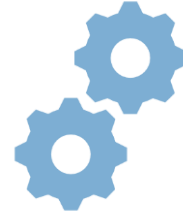
Công ty liên kết: Không

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

#### Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✓ Tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp thủy lợi, thủy điện đồng thời mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh qua các Công ty con;
- ✓ Tham gia các dự án thủy lợi, thủy điện trọng điểm trên phạm vi toàn quốc gia;
- ✓ Xây dựng Công ty trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, phát triển bền vững và ổn định;



#### Đối với nguồn nhân sự:

- ✓ Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; tạo cơ hội và điều kiện phát triển cho tất cả nhân viên;
- ✓ Đào tạo và phát triển một nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn và hiệu quả làm việc cao;



#### Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng

- ✓ Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và các nguyên tắc an toàn lao động tại công trình thi công; xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch và hiệu quả;
- ✓ Đáp ứng nhu cầu về thu nhập, đời sống và môi trường làm việc cho người lao động; tạo điều kiện thu hút người lao động có trình độ và tay nghề cao và giữ vững đội ngũ công nhân viên hiện tại với mục tiêu đảm bảo phát triển bền vững của Công ty;
- ✓ Hướng tới các mục tiêu vì cộng đồng, chung tay giúp đỡ và hỗ trợ cộng đồng địa phương như trích Quỹ phúc lợi để tặng quà Tết cho Đồng bào dân tộc vùng khó khăn; hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản của địa phương...



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- √ Đầu tư vào Công ty con: Công ty hiện đánh giá cao mảng hoạt động tiềm năng của CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) và có ý định đầu tư đến 65% số cổ phiếu LBM với mục tiêu gộp ngành hoạt động của LBM thành ngành hoạt động của Công ty, từ đó, hỗ trợ và gia tăng các lợi thế về quy trình và chất lượng sản phẩm của cả hai bên.
- √ Định hướng hợp nhất với CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 đến năm 2019 nhằm tăng vốn chủ sở hữu, quy mô và đa dạng các hoạt động kinh doanh, sản xuất của Công ty. Trụ sở chính sau hợp nhất sẽ đóng tại TP. Hồ Chí Minh.
- √ Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, các máy móc, thiết bị hiện đại giúp tăng năng lực thi công cũng như hiệu quả lao động của công nhân viên.
- √ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các đợt đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng mềm khác.
- √ Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các dự án có vốn nước ngoài để nâng cao giá trị và thể hiện khả năng hoạt động của Công ty.





**RỦI RO KINH TẾ**

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... sẽ tác động trực tiếp đến bất cứ doanh nghiệp nào hoạt động sản xuất và kinh doanh trong một nền kinh tế chung, trong đó có Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng.

Theo Tổng cục thống kê, năm 2017 vừa qua, nền kinh tế Việt Nam vượt mức tăng trưởng GDP mà Chính Phủ đã đề ra, đạt đến 6,87%, đặc biệt tăng trưởng khá tốt trong 2 quý cuối năm ở mức 7,46% cho quý III và quý IV là 7,65%. Riêng giá trị tăng trưởng ngành xây dựng khá cao, đạt khoảng 8,7% nhờ vào các chủ trương đẩy mạnh xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng trong năm của Chính Phủ và việc hội nhập kinh tế đã thu hút được nguồn FDI khá lớn vào Việt Nam. Trước những thuận lợi trên, LHC đã chủ động tìm kiếm và chọn thầu những công trình có nguồn đầu tư (FDI) và tài trợ (ODA) từ nước ngoài để tận dụng cơ hội tạo các hợp đồng lớn cho Công ty đồng thời thể hiện khả năng thích nghi với tiến trình hội nhập. Ngoài ra, các chính sách lãi suất, lạm phát và tỷ giá được Chính Phủ kiểm soát chặt chẽ và biến động khá nhỏ trong biên độ, đây cũng là một thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu tăng trưởng, vấn đề đầu tư công từ Nhà nước thường bị hạn chế do nợ công cao và tình hình tổng thu ngân sách Nhà Nước chưa ổn định, năm 2017 chỉ đạt 91,1% dự toán năm, khoảng 1.104 tỷ đồng (số liệu tính đến 15/12/2017, theo Tổng cục thống kê). Vì vậy, để hạn chế việc thiếu dự án và công việc cho người lao động, Công ty luôn chủ động trong vấn đề tìm kiếm và đầu tư vào các dự án có tiềm năng trên phạm vi cả nước, nhất là các dự án nhận đầu tư từ nước ngoài.

**RỦI RO PHÁP LUẬT**

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng hoạt động và chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Bộ Luật Lao động, Luật Chứng khoán ... và các văn bản dưới luật có liên quan. Bên cạnh đó còn có các Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực xây dựng gồm Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư... Sự thay đổi trong hệ thống pháp luật liên quan sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, do đó, Công ty luôn cập nhật và chuẩn bị để điều chỉnh phù hợp khi các quy định pháp luật thay đổi, tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tài chính và uy tín của Công ty trên thị trường.

**RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG**

Công ty cam kết thực hiện đúng các quy tắc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trồng rừng cũng là một trong các hoạt động chính của Công ty với mục tiêu hướng đến phủ xanh các khu vực bị tàn phá trước đó, bị xói mòn... Tuy nhiên, một số hoạt động khác như khai thác khoáng sản, thi công công trình, phun vữa xi măng có khả năng ảnh hưởng nguồn nước và khói bụi đến khu vực dân cư lân cận. Việc chú trọng bảo vệ môi trường được Công ty thực hiện đầy đủ và đảm bảo không có vi phạm nào xảy ra trong năm.



## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

### ▽ Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào gồm thép, xi măng, đá, cát, ... chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí các công trình xây dựng, do đó, giá cả vật liệu chung thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để tránh biến động giá, Công ty đã đưa ra chiến lược đầu tư vào Công ty con LBM (hoạt động chính gồm sản xuất vật liệu và xây dựng công trình) để kiểm soát chất lượng vật liệu đồng thời hợp tác trong các dự án, từ đó có thể chia sẻ áp lực doanh thu cũng như lợi nhuận từ mảng sản xuất, kinh doanh chính. Thêm vào đó, Công ty còn chủ động nâng cao các năng lực dự báo biến động giá nguyên vật liệu để hoàn thiện chính sách mua và duy trì lượng tồn kho hợp lý khi tình hình giá cả chung biến động liên tục như hiện nay.

### ▽ Rủi ro về vốn

Mỗi công trình xây dựng thủy lợi, thủy điện đều có quy mô lớn và cần một nguồn vốn đầu tư phù hợp để thực hiện thi công. Thêm vào đó, việc giải ngân từng phần cho các loại chi phí khác nhau được các chủ đầu tư quyết toán và kiểm toán trong thời gian khá chậm đã phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty đã tăng cường nhân sự quản lý nguồn vốn và theo dõi sát tiến độ thi công, tiến độ thanh toán của từng hợp đồng cụ thể nhằm thu hồi vốn nhanh, tránh tồn đọng nợ, đồng thời vẫn đáp ứng đầy đủ nguồn nguyên liệu và máy móc cho công trình xây dựng.

### ▽ Rủi ro cạnh tranh

Các công ty cùng ngành hiện nay khá cạnh tranh nhau về sản phẩm cũng như dịch vụ cung ứng. Thêm vào đó, trước việc hội nhập chung của đất nước qua việc các Hiệp định thương mại tự do FTA có hiệu lực, cơ hội kinh doanh và thị phần của Công ty sẽ bị thu hẹp lại khi vừa phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, vừa phải đối mặt với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực về tài chính, công nghệ và nhân lực trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã linh hoạt thích nghi với thị trường, tăng cường tìm kiếm các dự án tốt trên phạm vi cả nước và thể hiện giá trị cũng như khả năng cạnh tranh của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

### ▽ Rủi ro về tiến độ

Ngành xây dựng có đặc thù giải ngân từng phần và phải thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng công trình, phê duyệt dự án hay đền bù giải tỏa mặt bằng tốn nhiều thời gian và công sức nên tiến độ thường không được đảm bảo, đặc biệt đối với các công trình lớn như thủy điện, thủy lợi. Do đó, Công ty phải chi nhiều hơn cho chi phí quản lý và giám sát hoạt động thi công mới có thể hoàn thành đúng thời hạn mà vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

### ▽ Rủi ro thời tiết

Với đặc thù thi công ngoài trời, các công trình đều lộ thiên, vào mùa mưa sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình, nhất là khi các khu vực đang thi công hiện tại gồm Tây Nguyên và Nam Bộ có lượng mưa lớn và kéo dài theo mùa (bình quân 6 tháng/năm). Do đó, Công ty đã thích ứng và linh hoạt đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công đoạn khó vào mùa khô, sau đó các công việc khác có thể dễ dàng thực hiện vào mùa mưa.



### **RỦI RO KHÁC**

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, tai nạn lao động ... Để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, Công ty luôn chú trọng đảm bảo an toàn về con người và tài sản bằng cách thường xuyên kiểm tra trang thiết bị, đảm bảo thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn đầy đủ cho công nhân viên các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, đồng thời mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- ▽ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ▽ **Tổ chức nhân sự**
- ▽ **Tình hình đầu tư, thực hiện dự án**
- ▽ **Tình hình tài chính**
- ▽ **Cơ cấu cổ đông**
- ▽ **Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	KH 2017	Năm 2017	TH 2017/ 2016	TH/KH 2017
Doanh thu thuần	Tr. đồng	493.967	500.000	713.684	1,44	1,43
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	66.930	-	71.765	1,07	-
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	53.005	30.315	57.035	1,08	1,88

Tổng kết năm 2017, các chỉ tiêu kế hoạch được LHC hoàn thành tốt. So với 2016, Doanh thu thuần tăng trưởng 44% nhờ vào việc Công ty ký kết được nhiều hợp đồng mới có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời công tác bán hàng được hoàn thiện. Lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2016 và đạt được 188% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế kế hoạch.

## CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thi công công trình	Tr. Đồng	169.741	34,22%	226.485	31,69%
Cung cấp dịch vụ	Tr. Đồng	-	-	1.154	0,16%
Khai thác khoáng sản và VLXD	Tr. Đồng	326.291	65,78%	487.057	68,15%
<b>Tổng cộng</b>	Tr. Đồng	<b>496.032</b>	<b>100%</b>	<b>714.696</b>	<b>100%</b>

Năm 2017, nhờ vào những thuận lợi ngành xây dựng, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng đã ký kết được nhiều gói thầu lớn, trong đó có dự án Đập thủy lợi Bằng Lăng, dự án Hồ chứa nước Dạ Lây và dự án Đầu tư xây dựng đường GTGT trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ... với tổng giá trị khoảng 47 tỷ đồng. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của Công ty con là Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) trong mảng Khai thác khoáng sản và VLXD cũng góp phần vào sự tăng trưởng của doanh thu năm.

Cơ cấu doanh thu của LHC năm 2017 không biến động quá nhiều so với năm 2016. Khoản doanh thu từ khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng vẫn là mảng chính chiếm 68,15% doanh thu, tương đương 487 tỷ đồng. Đồng thời, riêng mảng này tăng trưởng gần 50% năm 2017, trong khi mảng thi công công trình tăng trưởng khoảng 33%, đạt 226 tỷ đồng. Ngoài ra, mảng cung cấp dịch vụ năm 2017 ghi nhận 1,154 tỷ đồng.

## CƠ CẤU CHI PHÍ

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Tr. Đồng	375.501	85,69%	573.505	88,74%
Chi phí tài chính	Tr. Đồng	945	0,2%	914	0,14%
Chi phí bán hàng	Tr. Đồng	12.731	2,9%	15.039	2,33%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. Đồng	46.376	10,58%	55.913	8,65%
Chi phí khác	Tr. Đồng	2.656	0,6%	876	0,14%
<b>Tổng cộng</b>	Tr. Đồng	<b>438.209</b>	<b>100%</b>	<b>646.247</b>	<b>100%</b>

Hoạt động kinh doanh tăng trưởng kéo theo việc giá vốn hàng bán và cơ cấu chi phí của doanh nghiệp tăng, đặc biệt giá vốn hàng bán trong năm tăng đến 53% so với năm 2016 do giá xi măng, sắt, thép, ... tăng nhanh và các công trình thi công của LHC nằm rải rác nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam nên việc tìm nguồn nguyên vật liệu thay thế chưa khả quan. Đối với các doanh nghiệp xây dựng, biến động giá vốn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận năm. Ngoài ra, do chính sách gia tăng mức lương cơ bản tối thiểu của Nhà nước nên khoản Chi phí quản lý của LHC trong năm tăng gần 10 tỷ đồng, tương đương tăng 20,56% so với năm trước. Việc tổng chi phí tăng nhanh hơn mức tăng trưởng của doanh thu đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của LHC, cụ thể là doanh thu thuần tăng trưởng đến 44% nhưng giá trị lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 8% so với năm 2016.



**DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	268.000	7,44%
2	Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng giám đốc	16.500	0,46%
3	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	22.900	0,64%
4	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	94.500	2,62%

**TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH**

<b>Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc</b>	
Năm sinh	7/4/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	268.000 cổ phần
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

<b>Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng giám đốc</b>	
Năm sinh	15/1/1962
Nơi sinh	Hà Tây
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	16.500 cổ phần
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

<b>Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc</b>	
Năm sinh	24/3/1976
Nơi sinh	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	22.900 cổ phần
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

**Ông Hầu Văn Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Năm sinh	5/5/1966
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	94.500 cổ phần
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017**

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Khối văn phòng</b>	<b>16</b>	<b>22,23%</b>
1	Đại học	11	15,28%
2	Cao đẳng	1	1,39%
3	Lao động có tay nghề	4	5,56%
<b>II</b>	<b>Khối sản xuất</b>	<b>56</b>	<b>77,77%</b>
1	Đại học	14	19,44%
2	Cao đẳng	1	1,39%
3	Lao động có tay nghề	41	56,94%
<b>Tổng cộng</b>		<b>72</b>	<b>100%</b>



## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- √ Thời gian làm việc: Văn phòng Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới thứ sáu, các bộ phận trong Văn phòng Công ty nếu vì nhu cầu công việc thì làm luôn cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Tại các Công trường thi công, do đặc thù thi công các công trình thủy lợi (phụ thuộc nhiều vào thời tiết) nên cán bộ, công nhân một tuần làm đủ bảy ngày (nếu điều kiện thời tiết thuận lợi cho thi công).
- √ Điều kiện làm việc: Đối với khối Văn phòng làm việc trong cơ sở khang trang, thoáng mát; Đối với công nhân viên làm việc tại Công trường, Công ty từng bước nâng cao điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, cơ giới hóa các công việc nặng nhọc và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho Cán bộ, công nhân theo quy định của Nhà nước như: quần, áo, mũ găng tay, khẩu trang, ủng ...

### Chính sách tuyển dụng

- √ Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu như có trình độ chuyên môn cơ bản, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập.
- √ Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho Cán bộ, công nhân tại các Công trường cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với Cán bộ, công nhân tại các Công trường, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ, hoặc gửi đi đào tạo vận hành Công nghệ mới, đào tạo nâng cao tay nghề tại các trường dạy nghề. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

### Chính sách lương - thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động

- √ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập tương đối cao cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- √ Bảo hiểm: Người lao động làm việc có hợp đồng lao động dài hạn với Công ty được Công ty đóng 100% bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn theo đúng quy định của Bộ luật lao động và các Văn bản quy định khác có liên quan. Ngoài ra Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn cho Cán bộ, nhân viên một người 03 suất tại Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	7.140.000	7.000.000	7.000.000

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Một số dự án lớn mà Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng đã và đang thực hiện như sau:

ĐVT: Tr. đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Đập đất, cống lấy nước, cống xả đáy và cơ khí cống thuộc Dự án: Hồ chứa nước Đạ Lây	Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	2014	2014 - 2018	25.476
2	Dự án: Công trình Thủy điện Phước Hòa	Công ty Cổ phần Phước Hòa	2016	2016 - 2018	304.000
3	Gói thầu số 01: Xây lắp đập đầu mối, cống xả đáy và công trình phụ trợ khác thuộc Dự án: Đập thủy lợi Bằng Lăng	Trung tâm Quản lý và Khai thác Công trình Công cộng huyện Đam Rông, Lâm Đồng	2017	2017 - 2019	16.691
4	Gói thầu số 02: Xây lắp tràn xả lũ thuộc Dự án: Hồ chứa nước Đạ Lây	Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	2017	2017 - 2018	20.130
5	Gói thầu số 02: Thi công xây dựng đường GTNT từ ngã ba Trần Quốc Toản đi Liên Hà, Lâm Hà thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng đường GTGT từ ngã ba Trần Quốc Toản đi Liên Hà, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng	Trung tâm Quản lý và Khai thác Công trình Công cộng huyện Lâm Hà, Lâm Đồng	2017	2017 - 2019	10.205
<b>Tổng cộng</b>					<b>376.502</b>



## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### CTCP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG (Mã CK: LBM)

- ✓ Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng;
- ✓ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- ✓ Vốn điều lệ: 85 tỷ đồng;
- ✓ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 59,07%;
- ✓ Tỷ lệ lợi ích: 59,07%;



### CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

- ✓ Địa chỉ: 251 - 251A Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP HCM;
- ✓ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- ✓ Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng;
- ✓ Tỷ lệ quyền biểu quyết của LHC: 51,00%;
- ✓ Tỷ lệ lợi ích: 51,00%;





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	419.620	538.978	28,44%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	493.967	713.684	44,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	59.952	70.159	17,03%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	6.978	1.606	-76,98%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	66.930	71.765	7,22%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	53.005	57.035	7,60%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Tr. đồng	30%	30%	

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,92	1,48
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,68	1,25
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	31,03	40,20
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,00	67,21
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,71	14,66
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,23	1,49
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,73	7,99
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	19,66	18,65
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	13,20	11,90
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,14	9,83

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 đều giảm so với năm 2016. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,92 lần xuống còn 1,48 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,68 lần xuống còn 1,25 lần. Sự sụt giảm của hai chỉ số này đến từ việc gia tăng không đồng đều của nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn của LHC. Cụ thể, khoản phải trả người bán ngắn hạn trong năm tăng từ 37,16 tỷ đồng lên 130,47 tỷ đồng, đến từ nợ phải trả nguyên vật liệu xây dựng. Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trong năm 2017 tăng 49 tỷ đồng và Hàng tồn kho trong năm tăng 17 tỷ đồng do công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng chậm luân chuyển.

### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2017, cơ cấu nguồn vốn của công ty có sự chuyển dịch rõ rệt khi tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 45,00% lên 67,21%, tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản tăng từ 31,03% lên 40,20%. Nguyên nhân là do LHC ghi nhận nợ ngắn hạn phải trả do mua nguyên vật liệu xây dựng và nợ dài hạn đến từ khoản vay Ngân hàng BIDV chi nhánh Lâm Đồng với lãi suất trung bình năm là 7%. Tại thời điểm ngày 31/12/2017, tổng nợ phải trả của công ty ghi nhận 216,6 tỷ đồng, tăng 86 tỷ so với năm 2016.

### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Tại thời điểm kết thúc năm 2017, giá trị hàng tồn kho của LHC ghi nhận tăng 17,7 tỷ đồng, trong khi đó, giá vốn hàng bán tăng tới 198 tỷ đồng. Do đó, hệ số vòng quay hàng tồn kho của công ty trong năm tăng từ 10,71 vòng lên đến 14,66 vòng. Ngoài ra, việc khoản mục tài sản trong năm tăng cũng đã tác động tích cực đến doanh thu hoạt động, giúp vòng quay Tổng tài sản tăng mạnh từ 1,23 vòng lên 1,49 vòng trong năm 2017.

### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2017 đều giảm vì doanh thu tăng mạnh đến 44% nhưng lợi nhuận chỉ tăng nhẹ 8% do biến động khó lường từ giá nguyên vật liệu xây dựng. Do đó, tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2017 giảm từ 10,73% xuống còn 7,99%, tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu giảm từ 19,66% xuống 18,65%, tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản giảm từ 13,20% xuống 11,90% và tỷ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần từ 12,14% giảm còn 9,83%.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.600.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
  - Cổ phiếu thường: 3.600.000 cổ phiếu
  - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.600.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>230</b>	<b>2.616.340</b>	<b>72,68%</b>
	- Tổ Chức	1	120	0,003%
	- Cá nhân	229	2.616.220	72,68%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>37</b>	<b>983.660</b>	<b>27,32%</b>
	- Tổ chức	8	271.800	7,55%
	- Cá nhân	29	711.860	19,77%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>267</b>	<b>3.600.000</b>	<b>100%</b>

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL
LÊ ĐÌNH HIỂN	250412901	70 Pastuer, TP Đà Lạt, Lâm Đồng	268.000	7,44%
SHIH KUAN TUNG	IA2860	NO.81, MINCYUAN RD, SINSHIH	380.150	10,56%
<b>Tổng cộng</b>			<b>648.150</b>	<b>18,00%</b>

#### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không.

#### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không.

#### Các chứng khoán khác

Không.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG NĂM

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Tổng giá trị sử dụng năm 2017	Đơn vị tính
1	Loại năng lượng - điện	100.000	Kwh
2	Loại năng lượng - hơi nước	0	Tấn
3	Loại năng lượng - xăng	20.000	Lít
4	Loại năng lượng - dầu DO	1.000.000	Lít

### TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: m <sup>3</sup> /năm)
1	Dùng phục vụ sản xuất	200.000
2	Dùng Sinh hoạt	10.000
<b>Tổng cộng:</b>		210.000

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn xem lực lượng lao động là động lực phát triển, vì thế, Công ty đã nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc bình đẳng, công bằng, thân thiện để tạo điều kiện cho tất cả cán bộ công nhân viên phát huy hết khả năng. Ngoài ra, đối với yêu cầu công việc, Công ty chú trọng đảm bảo an toàn cho nhân viên, lên kế hoạch và thực hiện các quy định an toàn, hướng dẫn nhân viên các kỹ năng mềm, phòng chống tai nạn, hỏa hoạn, ...

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty tuyệt đối đi đầu trong việc bảo vệ môi trường, nhất là khi nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu của khu vực dân cư lân cận dễ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động xây dựng thủy điện, thủy lợi với quy mô lớn và thời gian hoàn thành khá lâu cho một dự án. Do đó, Công ty luôn đề cao trách nhiệm đối với môi trường như xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thực hiện thu gom rác thải và vụn gạch, đá xây dựng, ... Thêm vào đó, Công ty còn tham gia các phong trào phòng ngừa dịch bệnh của địa phương; hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản và hàng năm luôn trích một phần Quỹ phúc lợi để tặng các suất quà Tết đến Đồng bào dân tộc vùng khó khăn.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- ▽ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ▽ **Tình hình tài chính**
- ▽ **Những cải tiến trong năm**
- ▽ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ▽ **Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH/TH 2017
1	Doanh thu	Tr. đồng	500.000	714.696	1,43
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	30.315	57.035	1,88

Năm 2017 là một năm mà các doanh nghiệp xây dựng nói chung có được những cơ hội hoạt động tốt và khởi công được nhiều dự án mới. Đặc biệt nhờ vào chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở vật chất từ Nhà nước cũng như việc hội nhập đã khiến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng lên giúp thị trường xây dựng – bất động sản trong nước tăng trưởng mạnh mẽ và được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2018 sắp tới.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã phân tích và đánh giá khách quan tình hình kinh tế, xã hội và khả năng thích ứng của LHC để đưa ra những kế hoạch kinh doanh trong năm. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cũng thường xuyên xuyên theo dõi và kiểm soát các công tác thực hiện, chỉ đạo giải quyết kịp thời để sử dụng tối đa năng lực doanh nghiệp và hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực. Nhưng bên cạnh đó, do tình hình biến động khó lường của giá nguyên vật liệu xây dựng và cạnh tranh gay gắt cả trong và ngoài nước đã khiến cơ cấu chi phí tăng cao, thị phần Công ty có khả năng giảm sút. Tổng kết năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh của LHC đạt 714,7 tỷ doanh thu, đạt 1,43 lần so với kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 57 tỷ đồng, đạt 1,88 lần kế hoạch năm.



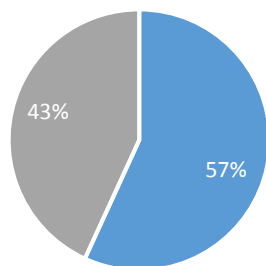
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Khoản mục	ĐVT	2016	2017	2017/2016
Tài sản ngắn hạn	Tr. Đồng	238.515	312.098	30,85%
Tài sản dài hạn	Tr. Đồng	181.105	226.879	25,27%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>419.620</b>	<b>538.978</b>	<b>28,44%</b>

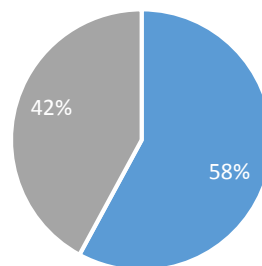
Trong năm qua, tài sản của LHC tăng đều cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 312.098 triệu đồng, tăng 30,85% so với 2016, chủ yếu đến từ việc tăng các khoản phải thu ngắn hạn trong năm. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn cũng tăng ở mức tương tự khoảng 25,27%, đạt 226.879 triệu đồng, đến từ việc công ty đầu tư mua thêm máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất. Tổng tài sản năm 2017 đạt 538.978 triệu đồng, tăng trưởng 28,44%. Tài sản tăng lên cho thấy doanh nghiệp đang cố gắng nâng cao năng lực hoạt động và giảm áp lực công việc cho nhân viên, đây sẽ là nền tảng để LHC có thể tăng trưởng và đạt hiệu quả hoạt động tốt trong tương lai.

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản mục	ĐVT	2016	2017	2017/2016
Nợ ngắn hạn	Tr. Đồng	124.081	211.326	70,31%
Nợ dài hạn	Tr. Đồng	6.137	5.330	-13,15%
<b>Tổng nợ</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>130.218</b>	<b>216.645</b>	<b>66,37%</b>

Trong năm 2017, tổng nợ của Công ty năm 2017 ở mức 216.645 triệu đồng, tăng đến 66,37% so với năm 2016 chủ yếu đến từ sự gia tăng giá trị nợ ngắn hạn. Do cơ cấu nợ của LHC chủ yếu là nợ ngắn hạn (chiếm hơn 95% tổng nợ) nên nợ ngắn hạn biến động sẽ khiến tổng nợ biến động. Cụ thể, nợ ngắn hạn của LHC năm 2017 đạt 211 tỷ đồng, tăng đến 70,31% so với 2016 do Công ty ghi nhận các khoản nợ phải trả do mua nguyên vật liệu xây dựng và nợ phải trả người lao động cũng tăng khoảng 2 tỷ đồng, tương đương tăng 23,16%. Tuy nhiên, khoản nợ dài hạn lại giảm còn 5,3 tỷ đồng, tương đương giảm 13,15% so với năm 2016 do LHC trả khoản vay với các công ty con khoảng 1 tỷ đồng.

## NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý của Công ty hiện tại đã dần ổn định. Tuy nhiên, Công ty vẫn nỗ lực hoàn thiện hơn nữa để trở thành một tổ chức mạnh về cả năng lực quản trị cũng như khả năng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các năng lực quản lý hàng tồn kho, thiết lập mạng lưới bán hàng, khách hàng và đối tác được chú trọng duy trì và phát triển, đặc biệt tập trung vào nhóm khách hàng tiềm năng với dự án có vốn nước ngoài, vốn từ nhà nước. Từ đó, mang đến công việc và doanh thu cho Công ty cũng như tạo được uy tín và vị thế trong ngành khi mà việc cạnh tranh trong ngành đang rất khó khăn và thị phần trong nước dần bị thu hẹp trước quá trình hội nhập.

Bên cạnh đó, các chính sách quản lý được LHC linh hoạt sử dụng, đồng thời Công ty luôn sẵn sàng tiếp nhận và xem xét ý kiến đóng góp từ cán bộ công nhân viên, nghiên cứu những chính sách mới sao cho phù hợp và cập nhật được xu thế, tạo ra động lực phát triển lâu dài và mở rộng của Công ty.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2018 được dự đoán sẽ là năm tiếp tục tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và khối ngành xây dựng - bất động sản nói riêng. Kế hoạch cụ thể của LHC như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	600.000	714.696	83,95%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng	65.000	70.159	92,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	66.000	71.765	91,97%

### THUẬN LỢI

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng là doanh nghiệp đầu ngành trong khu vực với hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi từ 1978, đồng thời phương án liên kết đầu tư dự án và chiến lược hoạt động phù hợp, tận dụng tối đa được nguồn lực đã mang lại kết quả trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, khoản đầu tư vào các Công ty con của LHC bao gồm Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 đang cho thấy hiệu quả của hoạt động đầu tư cũng như hiệu quả phối hợp với các Công ty con trong việc thực hiện các dự án và đảm bảo kiểm soát được nguồn nguyên vật liệu. Hiện tại, Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng mới, tập trung đầu tư máy móc thiết bị, cùng với lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ nghiệp vụ cao sẽ giúp LHC đạt được các giá trị mong muốn trong năm 2018 sắp tới.

### KHÓ KHĂN

Công tác phối hợp các ban ngành, phòng ban trong Công ty chưa đồng bộ có thể sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh chung của Công ty. Ngoài ra, công tác khuyến khích người lao động tuy linh hoạt nhưng vẫn chưa phát huy được theo mong muốn, chưa tạo được nhiều động lực cho cán bộ công nhân viên. Thêm vào đó, các chính sách bán hàng vẫn chưa thể thay đổi quá nhiều do Công ty còn phụ thuộc vào biến động giá cả chung mới có thể đưa đến khách hàng các hoạt động giảm giá hay chiết khấu.



**BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

Ban Tổng Giám đốc luôn đề cao vai trò của lực lượng lao động trong sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng quan tâm và đề cử các chương trình tặng quà, tổ chức các hoạt động dành riêng cho người lao động trong Công ty và khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động và phong trào chung tại địa phương Công ty đang hoạt động. Tập thể cán bộ công nhân viên có ý thức và tự giác thực hiện tuân thủ pháp luật về môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc và đảm bảo xử lý các chất thải, khói bụi, nguồn nước không an toàn khỏi khu vực dân cư, kết hợp với việc sử dụng các biện pháp và thiết bị xử lý chất thải của LHC.

LHC đảm bảo hoạt động tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên thông qua việc sử dụng điện, nước và các nguồn năng lượng khác một cách hợp lý; đảm bảo xử lý các chất thải trong sinh hoạt cũng như trong quá trình sản xuất; tham gia các công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các phong trào tại địa phương nơi Công ty hoạt động ...



## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- ▽ Về các mặt hoạt động của Công ty
- ▽ Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ▽ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhìn chung trong năm 2017, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh năm, đồng thời, tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động và cải thiện các mặt chưa hiệu quả. Cụ thể như sau:

- √ Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều được duy trì và củng cố theo định hướng phát triển.
- √ Hệ thống bán hàng và kiểm soát hàng tồn kho phát triển tốt kết hợp với các điều kiện thuận lợi trong và ngoài nước đã giúp LHC ký kết được khá nhiều hợp đồng giá trị trong năm.
- √ Công tác quản lý nợ, quản lý vốn cũng như sử dụng nợ, sử dụng vốn đạt yêu cầu và các hệ số ở mức an toàn.
- √ Tiền lương, thưởng được duy trì ổn định, bảo đảm việc làm cho người lao động.
- √ Các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp luôn được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.
- √ Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tuân thủ pháp luật về môi trường, về an toàn lao động.
- √ Đảm bảo được chất lượng dịch vụ và giữ vững thương hiệu đầu ngành về xây dựng công trình thủy lợi cũng như chế độ đãi ngộ nhân viên tốt và chiến lược hoạt động, chiến lược phát triển hiệu quả cao.

## VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- √ HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, các công trường trực thuộc công ty, triển khai thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động trong công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có mời Ban Tổng Giám đốc tham dự để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời chỉ đạo, nhận xét.
- √ Ban Tổng Giám đốc đã luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng các quy chế, quy định cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	600.000	713.696	84,07%
2	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	470.000	573.505	81,95%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng	65.000	70.159	92,65%
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	1.000	1.606	62,27%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	66.000	71.765	91,97%
6	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tr. đồng	25.200	30.315	83,13%
7	EPS	đồng	7.000	8.390	83,43%

### KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:

- √ Tiếp tục củng cố xây dựng bộ máy của Công ty, hoàn thiện mô hình cấp đội đủ mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban tham mưu, thông qua việc hoàn thiện, Ban hành và áp dụng các quy chế quản lý nội bộ để từng bước nâng cao năng lực quản lý, cũng như điều hành sản xuất của Công ty.
- √ Giữ mối quan hệ với các chủ đầu tư mở rộng thị trường tìm kiếm việc làm cho các năm tiếp theo nâng cao đời sống người lao động.
- √ Tăng cường công tác chỉ đạo để thi công hoàn thành vượt mức kế hoạch các công trình trọng điểm.
- √ Tăng cường công tác khoa học kỹ thuật, quản lý chất lượng, đúc rút hoàn thiện các công nghệ cao.
- √ Hoàn thiện quy chế quản lý thiết bị, có chế độ cho người điều hành thiết bị nhằm khai thác hiệu quả thiết bị hiện có.
- √ coi trọng công tác nghiệm thu thanh toán, quyết toán với chủ đầu tư, để thu hồi nợ tồn đọng.
- √ Chăm lo đời sống cho người lao động về cả vật chất và tinh thần, đảm bảo chính sách chế độ về tiền lương cũng như mọi chế độ khác cho người lao động.



### THUẬN LỢI

- √ Sự hội nhập và đổi mới của nền kinh tế Việt Nam là yếu tố quan trọng thúc đẩy LHC sáng tạo và thay đổi mình cho phù hợp với xu thế chung, nhất là trong việc đổi mới công nghệ, kỹ thuật. Đồng thời, đứng trước việc thị phần kinh doanh dần nhỏ lại và mức độ cạnh tranh tăng cao cũng là cơ hội để LHC khẳng định giá trị của mình trong các hoạt động kinh doanh chủ chốt.
- √ Tập thể lãnh đạo Công ty luôn là một tổ chức đoàn kết, thống nhất, quan tâm đến lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Ban lãnh đạo Công ty năng động, luôn tìm tòi, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế cạnh tranh hiện nay, kịp thời đưa ra những quyết định đúng đắn đem lại hiệu quả kinh doanh khả quan cho Công ty.
- √ Công ty có đầy đủ các điều kiện về nhân lực, máy móc, tài chính để thi công những công trình lớn đảm bảo chất lượng và tiến độ.
- √ Tình hình tài chính ổn định, lành mạnh, đây chuyên công nghệ hiện đại và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân thợ bậc cao.
- √ Công ty đã làm tốt công tác củng cố mối quan hệ với các chủ dự án và khẳng định được chất lượng sản phẩm của chính mình nên đã trúng thầu và kiếm thêm nhiều hợp đồng cho Công ty.



### KHÓ KHĂN

- √ Do đặc thù ngành thủy lợi nên các công trình của Công ty không thể thi công vào mùa mưa. Các diễn biến bất thường của thời tiết đều gây ảnh hưởng để kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- √ Cùng một lúc phải triển khai nhiều công trình trọng điểm với giá trị, khối lượng công việc lớn, tiến độ và cường độ rất căng thẳng. Các công trình nằm phân tán, không tập trung. Do vậy lực lượng cán bộ kỹ thuật dàn mỏng, công tác điều hành, chỉ đạo gặp khó khăn hơn.
- √ Một số công trình chưa có nguồn vốn hoặc vốn chậm nên công trình phải giãn tiến độ nhằm bảo toàn vốn.
- √ Trong những năm qua, giá cả vật tư, nhiên liệu của thị trường biến động liên tục trong khi các chủ đầu tư chưa có cơ chế thanh toán cho các đơn vị thi công làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong năm.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▽ Hội Đồng Quản Trị
- ▽ Ban Kiểm Soát
- ▽ Thù lao và các giao dịch

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	268.000	7,44%
2	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	22.900	0,64%
3	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	94.500	2,62%
4	Mai Nam Dương	Thành viên	85.150	2,37%
5	Bùi Trung Trực	Thành viên	17.400	0,48%

## TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**  
(xem phần lý lịch Ban TGD)

**Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

**Ông Hầu Văn Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

**Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT**

Năm sinh	11/11/1955
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Kỹ thuật viên
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	17.400 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
<b>Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT</b>	
Năm sinh	8/5/1953
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi, Chuyên viên cao cấp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	85.150 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



**CÁC BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự họp
1	Lê Đình Hiền	Chủ tịch	25/07/2000	10	100	
2	Lê Văn Quý	Thành viên	29/04/2016	10	100	
3	Hầu Văn Tuấn	Thành viên	25/07/2000	10	100	
4	Mai Nam Dương	Thành viên	29/04/2016	10	100	
5	Bùi Trung Trực	Thành viên	24/01/2006	09	90	Nằm viện

**CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01-2017/NQ/ HĐQT	20/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thống nhất phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính Quý 4 và năm 2016 của Công ty mẹ.</li> <li>✓ Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và thanh toán cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt.</li> </ul>
2	02-2017/NQ/ HĐQT	04/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thông qua một số nội dung chuẩn bị và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 17 năm 2017.</li> </ul>
3	03-2017/NQ/ HĐQT	06/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thông qua quyết định chọn Công ty kiểm toán 2017.</li> <li>✓ Thông qua quyết định mua 100.000 cổ phiếu của Công ty con LBM.</li> </ul>
4	04-2017/NQ/ HĐQT	23/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thống nhất phê duyệt BCTC Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2017.</li> <li>✓ Quyết định mua vào 350.000 cổ phiếu của Công ty con LBM.</li> </ul>
5	05-2017/NQ/ HĐQT	01/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Bầu bổ sung Phó chủ tịch HĐQT và Thư ký công ty.</li> <li>✓ Thống nhất phân công các thành viên HĐQT phụ trách công việc.</li> </ul>
6	06-2017/NQ/ HĐQT	30/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thống nhất thông qua BCTC quý 3 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2017.</li> <li>✓ Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền, tỷ lệ 15% (1.500 đ/CP).</li> <li>✓ Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường năm 2017.</li> <li>✓ Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (36 tỷ đồng lên 72 tỷ đồng).</li> <li>✓ Ký hợp đồng với các Công ty con.</li> </ul>
7	07-2017/NQ/ HĐQT	08/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Thông qua việc mua thêm cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 (mục tiêu nắm giữ 51%).</li> </ul>

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng Ban	56.000	1,56%
2	Tô Văn An	Thành viên	18.750	0,52%
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên	7.000	0,19%

## TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng BKS	
Năm sinh	13/5/1972
Nơi sinh	Bắc Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Tài chính – kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	56.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Ông Tô Văn An – Thành viên BKS	
Năm sinh	16/3/1954
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Trung cấp nghiệp vụ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	18.750 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên BKS	
Năm sinh	4/11/1984
Nơi sinh	Hải Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	7.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

## CÁC BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng Ban	29/04/2016	03	100%	
2	Tô Văn An	Thành viên	29/04/2016	03	100%	
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên	25/07/2000	03	100%	

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- √ Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty hoạt động theo đúng luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- √ Kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016, tham gia lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính công ty.
- √ Thường xuyên trao đổi thông tin tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- √ Trình bày báo cáo của BKS tại Đại hội đồng cổ đông.
- √ Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- √ BKS với Ban TGD và các cán bộ quản lý khác phối hợp hiệu quả trong năm 2017, BKS đã nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình SXKD và các hoạt động khác của công ty. BKS đã có ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban TGD về các hoạt động của công ty.



## THÙ LAO VÀ CÁC GIAO DỊCH

## CÁC KHOẢN THÙ LAO

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương/năm (đồng)	Thưởng/năm (đồng)
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	120.000.000	720.000.000	17.850.000
2	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	60.000.000	240.000.000	15.450.000
3	Hầu Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	65.000.000	237.339.726	14.650.000
4	Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	60.000.000	114.250.000	14.450.000
5	Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
6	Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	60.000.000	-	-
7	Tô Văn An	Thành viên BKS	24.000.000	-	-
8	Phạm Thị Tâm	Thành viên BKS	24.000.000	-	-
9	Kim Ngọc Đăng	Phó TGD	-	236.697.260	15.450.000

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

√ Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng BKS bán 16.550 cổ phiếu

## Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD cho CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 vay với lãi suất 0%.

- √ Số dư đầu kỳ: 3.526.948.411 đồng
- √ Tổng phát sinh cho vay: 36.830.700.561 đồng
- √ Tổng tiền rút về trong kỳ: 36.014.648.000 đồng
- √ Số dư cho vay cuối kỳ: 4.343.000.972 đồng



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- ▽ Ý kiến kiểm toán
- ▽ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
 0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**Lộ Nguyễn Thủy Phương**  
**Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
 1191-2018-026-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>312.098.440.514</b>	<b>238.514.972.398</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>70.638.119.832</b>	<b>45.353.880.530</b>
1. Tiền	111		63.838.119.832	35.353.880.530
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.800.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.603.990.764</b>	<b>7.976.785.556</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	9.603.990.764	7.976.785.556
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>183.861.723.735</b>	<b>153.629.261.028</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	174.402.288.039	125.306.912.397
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	18.064.085.780	26.760.542.118
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		599.580.000	99.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.197.428.730	13.722.663.433
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(16.401.658.814)	(12.260.436.920)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>47.688.160.350</b>	<b>30.550.836.644</b>
1. Hàng tồn kho	141		49.238.965.219	32.101.641.513
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>306.445.833</b>	<b>1.004.208.640</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	-	603.246.723
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	306.445.833	400.961.917
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>226.879.224.770</b>	<b>181.105.392.592</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.064.941.997</b>	<b>1.152.341.741</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.064.941.997	1.152.341.741
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>188.129.679.263</b>	<b>139.360.801.270</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	166.867.689.109	136.632.507.490
Nguyên giá	222		444.045.282.365	389.651.187.514
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277.177.593.256)	(253.018.680.024)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	21.261.990.154	2.728.293.780
Nguyên giá	228		25.429.692.098	6.729.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.167.701.944)	(4.001.398.318)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.034.388.078</b>	<b>22.530.048.625</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	4.034.388.078	22.530.048.625
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.650.215.432</b>	<b>18.062.200.956</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	23.998.138.030	6.223.598.928
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.20	1.065.128.029	558.182.629
3. Lợi thế thương mại	269	4.12	8.586.949.373	11.280.419.399
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>538.977.665.284</b>	<b>419.620.364.990</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>216.645.177.301</b>	<b>130.217.777.122</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.315.676.329</b>	<b>124.080.818.711</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	120.467.467.492	37.162.778.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	44.659.287.988	50.433.380.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	9.332.065.999	6.735.891.220
4. Phải trả người lao động	314		10.846.990.185	8.807.417.991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	11.285.506.045	1.792.957.749
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	6.676.773.943	6.781.316.002
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	2.577.762.500	6.606.999.205
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.19	4.401.851.343	4.539.323.925
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.067.970.834	1.220.753.564
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.329.500.972</b>	<b>6.136.958.411</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	-	1.623.510.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	4.343.000.972	3.526.948.411
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	986.500.000	986.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>322.332.487.983</b>	<b>289.402.587.868</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.21	<b>322.332.487.983</b>	<b>289.402.587.868</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.017.910.483	71.117.910.483
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.069.486.268	55.422.725.645
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		33.754.290.854	28.662.417.020
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.315.195.414	26.760.308.625
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		129.192.383.052	105.809.243.560
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>538.977.665.284</b>	<b>419.620.364.990</b>



**Lê Đình Hiến**  
**Tổng giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Hầu Văn Tuấn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	714.696.302.206	496.031.989.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.012.180.358	2.064.750.975
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		713.684.121.848	493.967.238.994
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	573.505.166.179	375.501.023.115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		140.178.955.669	118.466.215.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.846.816.229	1.538.572.166
7. Chi phí tài chính	22	5.4	914.489.931	945.203.527
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>475.574.096</i>	<i>877.875.282</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	15.038.834.609	12.731.085.936
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	55.913.185.205	46.376.201.560
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.159.262.153	59.952.297.022
12. Thu nhập khác	31	5.7	2.482.608.189	9.633.877.603
13. Chi phí khác	32		876.471.224	2.656.073.040
14. Lợi nhuận khác	40		1.606.136.965	6.977.804.563
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.765.399.118	66.930.101.585
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	15.237.178.669	14.354.727.702
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(506.945.400)	(429.899.918)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		57.035.165.849	53.005.273.801
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.315.195.414	26.760.308.625
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.719.970.435	26.244.965.176
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.4	8.390	7.433
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.4	8.390	7.433



**Lê Đình Hiến**  
Tổng giám đốc  
Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Hữu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		71.765.399.118	66.930.101.585
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	5.8	39.773.730.497	34.146.750.924
Các khoản dự phòng	03		4.003.749.312	5.675.089.234
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.330.270)	(8.250.838)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.229.906.077)	(4.488.627.939)
Chi phí lãi vay	06	5.4	475.574.096	877.875.282
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(58.020.852)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>113.783.216.676</b>	<b>103.074.917.396</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.328.856.439)	(34.621.449.444)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.137.323.706)	8.049.236.034
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		85.262.666.259	15.008.883.974
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(17.171.292.379)	(724.919.196)
Tiền lãi vay đã trả	14		(475.574.096)	(877.875.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(11.894.411.906)	(14.663.660.743)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(265.246.296)	(171.545.097)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>122.773.178.113</b>	<b>75.073.587.642</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(87.580.972.930)	(44.560.495.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19.180.911.817	4.587.567.197
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(21.570.047.263)	(14.512.785.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.442.842.055	17.765.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.125.291.168)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.738.983.552	1.467.480.898
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(80.913.573.937)</b>	<b>(35.253.232.970)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.602.600.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	73.341.680.358	88.312.076.487
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(76.554.864.502)	(99.148.589.871)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.21.1	(21.970.111.000)	(10.475.091.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.580.695.144)</b>	<b>(21.311.604.384)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>25.278.909.032</b>	<b>18.508.750.288</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		45.353.880.530	26.841.668.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.330.270	3.461.805
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>70.638.119.832</b>	<b>45.353.880.530</b>



Lê Đình Hiền  
Tổng giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Hậu Văn Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng  
Người lập biểu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017 là 781 (31/12/2016 là: 641).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 1.5. Các công ty con được hợp nhất

#### *Công ty con trực tiếp:*

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ Phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phú Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	59,70%	59,70%
2.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn XI, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP, HCM	51,00%	51,00%

#### *Các công ty con gián tiếp:*

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phú Đồng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	59,70%
2.	Công ty TNHH Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.	80,48%	48,05%
3.	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.	100,00%	59,70%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### *Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con*

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
  - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

### 3.5. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.6. Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bán giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

### 3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xi nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xi nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại nhà nghỉ Đạ Tẻh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### 3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn.

### 3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

### 3.11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

### 3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 3.13. Chi phí đi vay

#### *Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### 3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

#### *Quỹ dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.17. Doanh thu và thu nhập khác

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.18 dưới đây.

### *Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định*

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### 3.18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### 3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### 3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.22. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.143.686.540	665.922.058
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.694.433.292	34.687.958.472
Các khoản tương đương tiền	6.800.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.638.119.832</b>	<b>45.353.880.530</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/ năm đến 5,5%/ năm.

### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất 6%/năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	10.997.779.900
Công ty TNHH Xây Dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
Công ty TNHH Luyện Kim Trần Hồng Quân	-	6.778.082.800
Ban Quản lý Dự án ngành NN và PT Nông thôn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	7.567.645.117	7.567.645.117
BQL Dự án PTNN Các Tỉnh Miền Trung	-	4.945.187.000
BQL các tiểu dự án RETA	3.022.447.519	-
BQL Đầu Tư Công Trình TP. HCM	1.945.601.900	-
TT QL ĐT & XD Công trình Đơn Dương	-	9.979.900.172
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Phước Hòa	54.800.428.666	-
Các khách hàng khác	93.616.663.834	80.391.379.460
<b>Cộng</b>	<b>174.402.288.039</b>	<b>125.306.912.397</b>

## 4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Global Hydroenergy Gmbh	-	23.513.039.600
DNTN CK XD Thủy Nguyên	-	1.286.935.000
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Kỹ Thuật Toàn Năng	1.210.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Xây Dựng Trần Huy	5.700.000.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí Nam Việt	2.193.208.138	-
Tổng Công ty Thiết Bị Đồng Anh	1.425.105.000	-
Công ty CP Máy Và Thiết Bị Thủy Lực	1.374.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.161.772.642	1.960.567.518
<b>Cộng</b>	<b>18.064.085.780</b>	<b>26.760.542.118</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khách hàng mạng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	699.885.717	-	699.885.717	-
Phải thu người lao động	1.240.760.482	-	8.014.956.365	-
Phải thu khác	830.908.665	(41.679.650)	581.947.485	(43.325.150)
<b>Cộng</b>	<b>7.197.428.730</b>	<b>(4.467.553.516)</b>	<b>13.722.663.433</b>	<b>(4.469.199.016)</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.064.941.997	-	1.152.341.741	-

## 4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	15.959.034.202	4.022.381.404	17.188.881.680	9.397.643.776
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.467.553.516	2.547.500	4.470.931.516	1.732.500
<b>Cộng</b>	<b>20.426.587.718</b>	<b>4.024.928.904</b>	<b>21.659.813.196</b>	<b>9.399.376.276</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc hoặc đang tranh chấp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	2.712.200.516	Từ 6 tháng đến 1 năm	10.997.779.900	8.798.224.900	Từ 6 tháng đến 1 năm
Các khách hàng khác	11.624.024.663	1.312.728.388	Từ 6 tháng đến 3 năm	10.662.033.296	601.151.376	Từ 6 tháng đến 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>20.426.587.718</b>	<b>4.024.928.904</b>		<b>21.659.813.196</b>	<b>9.399.376.276</b>	

## 4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.560.242.043	-	11.795.942.386	-
Công cụ, dụng cụ	493.824.244	-	419.948.490	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.352.217.290	-	9.180.402.986	-
Thành phẩm	10.946.932.540	(835.242.862)	8.679.549.351	(835.242.862)
Hàng hóa	1.885.749.102	(715.562.007)	2.025.798.300	(715.562.007)
<b>Cộng</b>	<b>49.238.965.219</b>	<b>(1.550.804.869)</b>	<b>32.101.641.513</b>	<b>(1.550.804.869)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa kho Nam Hòa	-	18.050.982.903
Chi phí sửa chữa nhà 929 CT	3.750.617.362	3.519.427.553
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	959.638.169
Chi phí khác	283.770.716	-
<b>Cộng</b>	<b>4.034.388.078</b>	<b>22.530.048.625</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cây lâu năm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:														
Tại ngày 01/01/2017	72.084.086.176	224.858.245.431	90.519.275.363	1.352.560.786	520.611.939	316.407.819	389.651.187.514							
Mua trong năm	1.031.818.182	35.836.900.866	27.267.934.030	-	-	-	64.136.653.078							
Đầu tư XDCB hoàn thành	24.618.946.625	-	-	-	-	-	24.618.946.625							
Thanh lý, nhượng bán	(26.937.632.014)	(6.940.236.474)	(483.636.364)	-	-	-	(34.361.504.852)							
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>70.797.218.969</b>	<b>253.754.909.823</b>	<b>117.303.573.029</b>	<b>1.352.560.786</b>	<b>520.611.939</b>	<b>316.407.819</b>	<b>444.045.282.365</b>							
Giá trị hao mòn lũy kế:														
Tại ngày 01/01/2017	45.880.211.986	164.199.143.518	41.106.001.876	996.302.886	520.611.939	316.407.819	253.018.680.024							
Khấu hao trong năm	2.894.700.701	23.120.087.339	13.469.203.109	123.435.722	-	-	39.607.426.871							
Thanh lý, nhượng bán	(8.159.743.899)	(6.890.052.735)	(398.717.005)	-	-	-	(15.448.513.639)							
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.615.168.788</b>	<b>180.429.178.122</b>	<b>54.176.487.980</b>	<b>1.119.738.608</b>	<b>520.611.939</b>	<b>316.407.819</b>	<b>277.177.593.256</b>							
Giá trị còn lại:														
Tại ngày 01/01/2017	26.203.874.190	60.659.101.913	49.413.273.487	356.257.900	-	-	136.632.507.490							
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>30.182.050.181</b>	<b>73.325.731.701</b>	<b>63.127.085.049</b>	<b>232.822.178</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>166.867.689.109</b>							

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 149.640.494.935 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thâm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	3.684.797.000	2.528.795.098	516.100.000	6.729.692.098
Mua trong năm	18.700.000.000	-	-	18.700.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>22.384.797.000</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>516.100.000</b>	<b>25.429.692.098</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	1.120.786.000	2.447.175.544	433.436.774	4.001.398.318
Khấu hao trong năm	2.020.846	81.619.554	82.663.226	166.303.626
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>1.122.806.846</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>516.100.000</b>	<b>4.167.701.944</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	2.564.011.000	81.619.554	82.663.226	2.728.293.780
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>21.261.990.154</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.261.990.154</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.044.895.098 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí chờ phân bổ	-	603.246.723
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dài hạn:		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	20.485.120.548	3.674.905.067
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	2.319.263.580	2.368.609.620
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	983.753.902	-
Chi phí chờ phân bổ	210.000.000	180.084.241
<b>Cộng</b>	<b>23.998.138.030</b>	<b>6.223.598.928</b>

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bô	156.531.866	117.398.900
Quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	209.005.000	209.005.000
Quyền khai thác mỏ Cam Ly	556.550.155	417.412.617
Quyền khai thác mỏ Đa Quý	1.029.729.244	1.821.829.433
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	675.502.044	340.719.783
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	805.010.239	371.648.334
Quyền khai thác mỏ Tutra	352.792.000	396.891.000
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	16.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.485.120.548</b>	<b>3.674.905.067</b>

## 4.12. Lợi thế thương mại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày 01/01	11.280.419.399	9.125.584.708
Phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	-	4.341.765.418
Đã phân bổ trong kỳ	(2.693.470.026)	(2.186.930.727)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>8.586.949.373</b>	<b>11.280.419.399</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Global Hydroenergy GmbH	64.792.606.000	64.792.606.000	-	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân VLXD Thanh Trà	5.206.557.609	5.206.557.609	2.438.007.822	2.438.007.822
Công ty CP Gia Việt	-	-	3.240.891.448	3.240.891.448
Công ty TNHH Phước Tiến	-	-	2.490.531.681	2.490.531.681
Công ty CP Nền móng và Xây Dựng ACC-BVA	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Hoàng Minh	2.210.933.139	2.210.933.139	2.210.933.139	2.210.933.139
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ Tầng Minh Quân	2.569.875.000	2.569.875.000	-	-
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà	1.807.381.000	1.807.381.000	-	-
Cty CK & XD Thái Hưng Thịnh	1.085.276.619	1.085.276.619	-	-
DNTN Cơ Khí Xây Dựng Thủy Nguyên	1.476.123.287	1.476.123.287	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	41.318.714.838	41.318.714.838	24.782.414.135	24.782.414.135
<b>Cộng</b>	<b>120.467.467.492</b>	<b>120.467.467.492</b>	<b>37.162.778.225</b>	<b>37.162.778.225</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
TT QLĐT& Khai thác Thủy lợi	2.318.936.000	3.907.936.000
Công ty CP Thủy điện Phước Hòa	-	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.	-	2.618.290.000
Công ty TNHH MTV Đại Lợi Phát	1.700.000.000	-
Công ty TNHH Lam Hồng	1.800.000.000	-
TT QLKT Công trình Công Cộng Huyện Đam rông	6.300.000.000	-
Ban Quản Lý Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn tỉnh Bình Dương	26.110.720.000	-
Các khách hàng khác	6.429.631.988	19.907.154.830
<b>Cộng</b>	<b>44.659.287.988</b>	<b>50.433.380.830</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	1.596.978.553	34.748.790.133	35.822.299.178	-	2.670.487.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.663.371	6.071.817.689	15.237.178.669	11.894.411.906	135.476.625	2.776.864.180
Thuế thu nhập cá nhân	194.352.062	824.818.494	1.811.231.715	1.502.329.513	236.124.062	557.688.292
Thuế tài nguyên	22.903.500	424.714.394	4.274.216.271	4.405.937.944	22.903.500	556.436.067
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	171.602.515	2.530.745.908	2.421.456.896	4.930.830	67.244.333
Các loại thuế khác	-	242.134.354	1.385.091.801	1.250.128.197	-	107.170.750
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	6.500.000	6.500.000	1.526.900	-
<b>Cộng</b>	<b>306.445.833</b>	<b>9.332.065.999</b>	<b>59.993.754.497</b>	<b>57.303.063.634</b>	<b>400.961.917</b>	<b>6.735.891.220</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.064.941.997	972.341.741
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	7.311.484.177	702.186.905
Các khoản trích trước khác	2.909.079.871	118.429.103
<b>Cộng</b>	<b>11.285.506.045</b>	<b>1.792.957.749</b>

## 4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	533.425.494	663.761.205
BHXH, BHYT, BHTN	365.553.051	15.653.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.437.500	7.437.500
Phải trả thi công công trình	2.501.723.652	1.445.561.028
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	2.392.445.734	3.661.245.734
Các khoản phải trả, phải nộp khác	876.188.512	987.656.735
<b>Cộng</b>	<b>6.676.773.943</b>	<b>6.781.316.002</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.623.510.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.18. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	25.209.979.297	27.505.516.002	2.295.536.705	2.295.536.705
Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	-	2.382.000.000	5.172.000.000	2.790.000.000	2.790.000.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác	2.577.762.500	2.577.762.500	8.919.000.500	7.862.700.500	1.521.462.500	1.521.462.500
<b>Cộng</b>	<b>2.577.762.500</b>	<b>2.577.762.500</b>	<b>36.510.979.797</b>	<b>40.540.216.502</b>	<b>6.606.999.205</b>	<b>6.606.999.205</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.343.000.972	4.343.000.972	36.830.700.561	36.014.648.000	3.526.948.411	3.526.948.411
<b>Cộng</b>	<b>4.343.000.972</b>	<b>4.343.000.972</b>	<b>36.830.700.561</b>	<b>36.014.648.000</b>	<b>3.526.948.411</b>	<b>3.526.948.411</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.920.763.472</b>	<b>6.920.763.472</b>	<b>73.341.680.358</b>	<b>76.554.864.502</b>	<b>10.133.947.616</b>	<b>10.133.947.616</b>

Vay ngắn hạn các đối tượng khác là khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động theo lãi suất ngân hàng (8%/năm) và không có tài sản thế chấp.

Vay các bên liên quan là khoản vay của Ông Lê Đình Hiền, lãi suất 0% và không có tài sản thế chấp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.19. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.401.851.343	3.491.903.541
Dự phòng quỹ tiền lương	-	1.047.420.384
<b>Cộng</b>	<b>4.401.851.343</b>	<b>4.539.323.925</b>
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

## 4.20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.065.128.029	558.182.629

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.21. Vốn chủ sở hữu**

**4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	21.052.708.180	58.035.046.397	46.878.085.649	87.978.974.552	249.944.814.778	
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.760.308.625	26.244.965.176	53.005.273.801	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.600.000.000)	(6.875.091.000)	(10.475.091.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.082.864.086	(13.082.864.086)	-	-	
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(1.875.559.367)	(1.795.540.633)	(3.671.100.000)	
Tăng khác	-	-	-	342.754.824	255.935.465	598.690.289	
Số dư tại ngày 01/01/2017	36.000.000.000	21.052.708.180	71.117.910.483	55.422.725.645	105.809.243.560	289.402.587.868	
Lãi trong năm nay	-	-	-	30.315.195.414	26.719.970.435	57.035.165.849	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	900.000.000	(900.000.000)	(5.770.111.000)	(21.970.111.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(16.200.000.000)	-	-	
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(4.455.971.225)	2.433.280.057	(2.022.691.168)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(112.463.566)	-	(112.463.566)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.052.708.180</b>	<b>72.017.910.483</b>	<b>64.069.486.268</b>	<b>129.192.383.052</b>	<b>322.332.487.983</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của các cổ đông	36.000.000.000	36.000.000.000

**4.21.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**4.21.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	30.315.195.414	26.760.308.625
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(112.463.566)	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	30.202.731.848	26.760.308.625
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>8.390</b>	<b>7.433</b>

**4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	25.399,56	38.844,76
<b>Nợ khó đòi đã xử lý:</b>		
Các khách hàng khác	2.991.853.443	3.060.379.921

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

## 5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu thi công công trình thủy lợi	226.485.326.403	169.741.144.939
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.154.469.818	-
Doanh thu khai thác khoáng sản và VLXD	487.056.505.985	326.290.845.030
<b>Tổng cộng</b>	<b>714.696.302.206</b>	<b>496.031.989.969</b>

## 5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thi công công trình thủy lợi	201.100.616.959	156.545.331.064
Giá vốn của hoạt động khác	429.240.820	-
Giá vốn hoạt động khai thác khoáng sản và VLXD	371.975.308.400	218.955.692.051
<b>Cộng</b>	<b>573.505.166.179</b>	<b>375.501.023.115</b>

## 5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	1.738.983.552	1.467.480.898
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.832.677	71.091.268
<b>Cộng</b>	<b>1.846.816.229</b>	<b>1.538.572.166</b>

## 5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	475.574.096	877.875.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá	58.743.936	38.229.171
Chi phí tài chính khác	380.171.899	29.099.074
<b>Cộng</b>	<b>914.489.931</b>	<b>945.203.527</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	8.206.531.929	6.401.455.563
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.796.359.449	1.822.459.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.681.455.459	1.887.220.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.812.921	885.265.357
Chi phí bằng tiền khác	2.230.674.851	1.734.685.497
	<b>15.038.834.609</b>	<b>12.731.085.936</b>

Cộng

## 5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.450.134.540	23.292.824.704
Chi phí vật liệu quản lý	1.933.542.474	1.828.065.794
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.336.003.404	990.077.317
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.235.798.150	3.441.476.755
Thuế, phí và lệ phí	1.407.875.481	1.564.912.092
Chi phí dự phòng	3.837.501.963	3.510.920.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.810.393.111	6.426.099.335
Chi phí bằng tiền khác	12.901.936.082	5.321.825.544
	<b>55.913.185.205</b>	<b>46.376.201.560</b>

Cộng

## 5.7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	490.922.525	3.021.147.041
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình	1.000.000.000	2.285.729.019
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác cát	305.901.387	3.990.152.600
Thu nhập khác	685.784.277	336.848.943
	<b>2.482.608.189</b>	<b>9.633.877.603</b>

Cộng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	408.883.053.946	207.233.269.305
Chi phí nhân công	95.473.995.724	81.640.018.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.773.730.497	34.146.750.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.114.817.136	69.191.415.857
Chi phí khác bằng tiền	33.510.736.985	29.444.635.367
<b>Cộng</b>	<b>656.756.334.288</b>	<b>421.656.090.378</b>

## 5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	71.765.399.118	66.930.101.585
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.889.460.718	5.268.575.813
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.471.718.846)	(1.092.518.208)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	75.183.140.990	71.106.158.990
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	15.036.628.198	14.221.231.798
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm	(184.190.221)	-
Cộng: Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	384.740.692	133.495.904
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>15.237.178.669</b>	<b>14.354.727.702</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: phần chi phí khấu hao vượt mức quy định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(57.100.893)	(61.181.817)	(128.282.710)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	<u>(107.401.180)</u>	<u>(322.498.739)</u>	<u>(429.899.919)</u>
Tại ngày 01/01/2017	(174.502.073)	(383.680.556)	(558.182.629)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	<u>(34.143.614)</u>	<u>(472.801.786)</u>	<u>(506.945.400)</u>
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b><u>(208.645.687)</u></b>	<b><u>(856.482.342)</u></b>	<b><u>(1.065.128.029)</u></b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	73.341.680.358	88.312.076.487

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(76.554.864.502)	(99.148.589.871)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Sản xuất gạch Tuynel;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Thị công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gốm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	648.601.808.937	189.053.030.418	25.110.585.981	73.090.503.825	31.942.247.809	(254.114.055.122)	713.684.121.848
GVHB	563.632.334.901	183.333.271.769	15.806.394.335	43.808.078.714	21.496.117.408	(254.571.030.948)	573.505.166.179
<b>Lãi gộp</b>	<b>84.969.474.036</b>	<b>5.719.758.649</b>	<b>9.304.191.646</b>	<b>29.282.425.111</b>	<b>10.446.130.401</b>	<b>456.975.826</b>	<b>140.178.955.669</b>
Chi phí bán hàng	11.188.161.056	60.119.450	540.273.165	1.435.015.374	1.815.265.564	-	15.038.834.609
Chi phí QLDN	39.798.698.358	1.347.144.030	2.691.201.537	6.387.735.507	3.208.269.080	2.480.136.693	55.913.185.205
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh</b>	<b>33.982.614.622</b>	<b>4.312.495.169</b>	<b>6.072.716.944</b>	<b>21.459.674.230</b>	<b>5.422.695.757</b>	<b>(2.023.160.867)</b>	<b>69.226.935.855</b>
Doanh thu tài chính	8.003.557.537	6.709.035.127	2.360.661	1.012.927.214	2.849.822	(13.883.914.132)	1.846.816.229
Chi phí tài chính	695.799.433	178.701.129	37.162.463	-	2.826.906	-	914.489.931
<b>Lợi nhuận HD tài chính</b>	<b>7.307.758.104</b>	<b>6.530.333.998</b>	<b>(34.801.802)</b>	<b>1.012.927.214</b>	<b>22.916</b>	<b>(13.883.914.132)</b>	<b>932.326.298</b>
Thu nhập khác	5.914.131.970	(36.133.721)	191.600	758.006.683	-	(4.153.588.343)	2.482.608.189
Chi phí khác	1.092.373.449	49.244.480	2.532.151	680.851.324	22.000	(948.552.180)	876.471.224
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>4.821.758.521</b>	<b>(85.378.201)</b>	<b>(2.340.551)</b>	<b>77.155.359</b>	<b>(22.000)</b>	<b>(3.205.036.163)</b>	<b>1.606.136.965</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>46.112.131.247</b>	<b>10.757.450.966</b>	<b>6.035.574.591</b>	<b>22.549.756.803</b>	<b>5.422.596.673</b>	<b>(19.112.111.162)</b>	<b>71.765.399.118</b>
Chi phí thuế TNDN							15.237.178.669
Chi phí thuế hoãn lại							(506.945.400)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>57.035.165.849</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## Các thông tin khác

	Thị công công trình Tại ngày 31/12/2017	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 31/12/2017	Góm sữ chịu lửa Tại ngày 31/12/2017	Gạch Tại ngày 31/12/2017	Cao lanh Tại ngày 31/12/2017	Loại trừ Tại ngày 31/12/2017	Tổng cộng Tại ngày 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	549.785.617.017	126.350.955.777	16.810.760.719	48.931.831.840	21.384.347.030	(225.350.975.128)	537.912.537.255
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.065.128.029
<b>Tổng tài sản</b>	<b>550.850.745.046</b>	<b>126.350.955.777</b>	<b>16.810.760.719</b>	<b>48.931.831.840</b>	<b>21.384.347.030</b>	<b>(225.350.975.128)</b>	<b>538.977.665.284</b>
Nợ phải trả của bộ phận	238.623.114.731	45.361.536.948	6.025.054.300	17.537.394.574	7.664.248.761	(98.566.172.013)	216.645.177.301
	Thị công công trình Năm 2017	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2017	Góm sữ chịu lửa Năm 2017	Gạch Năm 2017	Cao lanh Năm 2017	Loại trừ Năm 2017	Tổng cộng Năm 2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	98.879.864.926	1.595.454.545	-	9.080.280.232	931.818.182	(3.031.818.182)	107.455.599.703
Chi phí khấu hao trong năm	33.121.160.075	1.511.988.287	1.158.761.529	1.074.343.814	3.575.286.039	(667.809.247)	39.773.730.497

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Kinh doanh		Gồm sử chịu lừa	Cao lạnh	Loại trừ	Tổng cộng
	Thị công công trình	VLXD và khai thác mỏ				
Doanh thu thuần	362.851.732.158	47.309.317.163	30.199.360.556	43.590.556.699	(60.936.402.190)	493.967.236.994
GVHB	308.922.443.332	42.698.135.343	21.352.126.797	23.065.625.362	(60.491.604.207)	375.501.023.115
<b>Lãi gộp</b>	<b>53.929.288.826</b>	<b>4.611.181.820</b>	<b>8.847.233.759</b>	<b>20.524.931.337</b>	<b>(444.797.983)</b>	<b>118.466.215.879</b>
Chi phí bán hàng	9.390.296.382	37.644.327	1.077.583.353	784.711.130	-	12.731.085.936
Chi phí QLDN	30.460.455.813	1.233.995.124	2.914.273.525	4.206.539.575	1.931.577.192	46.376.201.560
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh</b>	<b>14.078.536.631</b>	<b>3.339.542.369</b>	<b>4.855.376.881</b>	<b>15.533.680.632</b>	<b>(2.376.375.175)</b>	<b>59.358.928.383</b>
Doanh thu tài chính	7.273.712.980	5.506.101.537	28.411.749	(5.063.953)	(12.263.119.664)	1.538.572.166
Chi phí tài chính	745.367.405	191.636.176	5.607.598	2.592.348	-	945.203.527
<b>Lợi nhuận HĐ tài chính</b>	<b>6.528.345.575</b>	<b>5.314.465.361</b>	<b>22.804.151</b>	<b>(7.656.301)</b>	<b>(12.263.119.664)</b>	<b>593.368.639</b>
Thu nhập khác	11.244.991.341	228.541.383	23	6.905.178	(2.000.000.000)	9.633.877.503
Chi phí khác	2.375.142.338	209.143.531	6.482.985	24.364.011	-	2.656.073.040
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>8.869.849.003</b>	<b>19.397.852</b>	<b>(6.482.962)</b>	<b>(17.458.833)</b>	<b>(2.000.000.000)</b>	<b>6.977.804.563</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>29.476.731.209</b>	<b>8.673.405.582</b>	<b>4.871.698.070</b>	<b>15.508.565.496</b>	<b>(16.639.494.839)</b>	<b>66.930.101.585</b>
Chi phí thuế TNDN						14.354.727.702
Chi phí thuế hoãn lại						(429.899.918)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>53.005.273.801</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## Các thông tin khác

Các thông tin khác	Thị công công trình		Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gốm sứ chịu lửa		Gạch		Cao lanh		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND	Tại ngày 31/12/2016	VND
Tài sản của bộ phận	404.219.268.047		36.257.739.315		23.263.905.776		54.657.989.649		33.579.737.621		(132.916.458.047)		419.062.182.361	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		-		-		558.182.629	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>404.777.450.676</b>		<b>36.257.739.315</b>		<b>23.263.905.776</b>		<b>54.657.989.649</b>		<b>33.579.737.621</b>		<b>(132.916.458.047)</b>		<b>419.620.364.990</b>	
Nợ phải trả của bộ phận	136.512.962.265		10.085.599.763		6.438.027.051		15.125.990.419		9.292.818.722		(47.237.621.098)		130.217.777.122	
		Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gốm sứ chịu lửa		Gạch		Cao lanh		Loại trừ		Tổng cộng		
		Năm 2016	VND	Năm 2016	VND	Năm 2016	VND	Năm 2016	VND	Năm 2016	VND	Năm 2016	VND	
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	39.819.071.792		2.721.623.637		-		400.000.000		-		(2.000.000.000)		40.940.695.429	
Chi phí khấu hao trong năm	25.837.473.739		1.884.462.664		3.877.912.267		1.054.041.501		1.870.922.622		(378.061.869)		34.146.750.924	

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư vay với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải trả tiền vay:		
Ông Lê Đình Hiến	(4.343.000.972)	(6.316.948.411)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Vay:		
Ông Lê Đình Hiến	39.012.700.561	29.187.490.000
Ông Hầu Văn Tuấn	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>39.212.700.561</u></b>	<b><u>29.187.490.000</u></b>

Tập đoàn nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Thù lao và thu nhập	6.481.956.986	6.589.500.500
Cổ tức đã chia cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	3.666.229.750	1.480.434.000

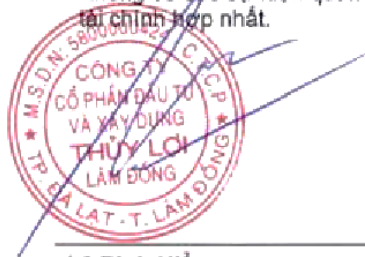
b

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	373.504.500	627.950.000

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Đình Hiền**  
Tổng giám đốc  
Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Hàu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
Người lập





Lâm Đồng, ngày 16 tháng 04 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Đình Hiến*